

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 9-2022
V/v không công nhận quan hệ vợ
chồng, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Vũ Thị Quỳ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 7 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1999, được hai bên gia đình đồng ý và có cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, hai vợ chồng về chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Tuy

nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt, anh H1 thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị H và anh H1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2006. Trường hợp ly hôn chị H đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn cháu Y đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H tự thỏa thuận với anh H1, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị H đề tự thỏa thuận với anh H1, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H1 trình bày: Anh đồng ý với lời khai của chị H về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng cũng như về con cái và tài sản chung. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh thì anh H1 cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị H chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Về con chung, anh H1 trình bày: Trong trường hợp ly hôn thì anh đồng ý nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thế M, còn cháu Nguyễn Thị Hải Y đã trên 18 tuổi trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết; về cấp dưỡng nuôi con chung để anh tự thỏa thuận với chị H, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản, công nợ chung, anh H1 đề nghị để tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ

chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế M cho anh Nguyễn Mạnh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến năm đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; cháu Nguyễn Thị Hải Y đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung vợ chồng do chị H và anh H1 tự thỏa thuận với nhau nên đề nghị Hội đồng xét không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 thì chị H và anh H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng nhưng cả hai đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đăng ký kết hôn. Tài liệu xác minh cũng thể hiện không có căn cứ xác định chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Do đó căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xác định chị H và anh H1 chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị H và anh H1 cùng chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H1 thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xích mích lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung. Kết quả xác minh tại địa phương phù hợp với lời khai của chị H, anh H1. Đến nay xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, anh H1 cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày và đề nghị vợ chồng hòa giải, chung sống nhưng trong suốt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử chị H vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H1, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Điều này chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H1 không có khả năng đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét việc ăn ở chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 từ năm 1999 đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC- VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01

năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10, không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004 và Nguyễn Thế M, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2006. Trường hợp ly hôn chị H đồng ý để anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh, anh H1 cũng đồng ý với đề nghị của chị H. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Tài liệu xác minh thể hiện anh H1 có đủ điều kiện để đảm bảo có thể nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt. Mặt khác cháu M cũng có nguyện vọng được ở cùng với bố nên việc giao con chung là cháu M cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh H1 đề nghị để tự thỏa thuận với nhau, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Thị Hải Y tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì cháu Y đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, chị H và anh H1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh H1 khai vợ chồng có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội; điểm b mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Mạnh H1 là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thế M sinh ngày 30 tháng 10 năm 2006 cho anh Nguyễn Mạnh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001723 ngày 28/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Mạnh H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, K
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

